TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HS-ST
Ngày 10 – 7 – 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi tham gia phiên toà: Bà Trương Ngọc Kiển - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2018/TLST-HS ngày 15/5/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST-HS ngày 30/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2018/HSST-QĐ ngày 19/6/2018, đối với bị cáo:

Hồ Văn Đ (Nguyễn Văn Đ). Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn P và bà Lý L (T); bị cáo chưa có vợ; tiền án: 01 (ngày 02/02/2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp tài sản", chấp hành xong ngày 26/10/2016), tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 30/3/2018 Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Cái Tàu – Bộ Công an (bị cáo có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Ông Trần Hoàng Út – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị hại*: Anh Trần Tấn P. Nơi cư trú: Khóm X, thị trấn Đ2, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 03/12/2017 anh Trần Tấn P uống rượu với Hồ Văn Đ tại quán café Thúy Loan đến 13 giờ cùng ngày thì anh P rủ Đ về nhà của anh ở khóm X, thị trấn Đ2, huyện Đ1 chơi; khi đến Đ ngồi trong nhà thì thấy anh P lấy điện thoại đưa cho bà Trần Ngọc S (mẹ anh P) sạc pin dùm rồi đi ra nhà sau, lúc này bà S đem sạc pin điện thoại để trên đầu tủ thờ ông Thần tài rồi đi xuống nhà sau. Lợi dụng lúc không có người, Đ lấy trộm chiếc điện thoại rồi trốn ra bến đò dọc đi về nhà ở ấp T, xã T1. Sau đó anh P phát hiện mất điện thoại nên trình báo sự việc đến Công an thị trấn Đ2 và lập biên bản sự việc.

Vào các ngày 10 và 13/12/2017 Hồ Văn Đ tiếp tục thực hiện trộm cắp tài sản nên bị Công an thành phố Cà Mau khởi tố và bắt tạm giam. Qua làm việc Đ đã thừa nhận lấy trộm chiếc điện thoại của anh Trần Tấn P.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 05/KL-ĐG ngày 08/02/2018 (bút lục số 94) của Hội đồng định giá huyện Đầm Dơi kết luận: 01 điện thoại di động hiệu HOTWAV giá trị còn 90% thành tiền là 1.404.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với kết luận định giá tài sản.

Bản Cáo trạng số: 18/CT-VKS ngày 14 – 5 – 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau đã truy tố Hồ Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Anh Trần Tấn P đã nhận lại điện thoại không bị hư hỏng nên không có yêu cầu bồi thường gì khác, anh yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin không tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi thực hành quyền công tố luận tội và tranh luận:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng thể hiện: Vào 13 giờ ngày 03/12/2017 Hồ Văn Đ đã lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu HOTWAV của anh Trần Tấn P có giá trị là 1.404.000 đồng. Hành vi của bị cáo thực hiện trong khi đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích nên đã cấu thành tội trộm cắp tài sản. Do đó, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đ từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Anh P đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo có ý kiến: Thống nhất theo tội danh, điều luật và tình tiết giảm nhẹ như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhưng đề nghị xem xét, ghi nhận thêm các tình tiết giảm nhẹ, đó là: Bị cáo là lao động duy nhất và không biết chữ nên cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

Bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đầm Dơi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, đối chiếu với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra là hoàn toàn phù hợp với diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với tài liệu chứng cứ đã thu thập được. Qua định giá, 01 điện thoại di động hiệu HOTWAV của anh P trị giá 1.404.000 đồng. Bản thân bị cáo đã bị kết án 01 lần về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm nên hành vi lấy trộm điện thoại của anh P của bị cáo đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Hành vi của bị cáo đã thực hiện trước 00 giờ ngày 01/01/2018 nhưng đến ngày 19/3/2018 mới bị khởi tố, điều tra từ kết quả giải quyết về nguồn tin tội phạm. So sánh tội "Trộm cắp tài sản" theo Bộ luật Hình sự năm 1999 và Bộ luật Hình sự hiện hành thì có mức hình phạt và các biện pháp tư pháp tương đương nhau. Do vậy để thực hiện áp dụng thống nhất pháp luật, Cơ quan điều tra Công an huyện Đầm Dơi và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi đã quyết định khởi tố, điều tra, truy tố bị cáo theo quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành không gây bất lợi cho bị cáo nên Cáo trạng số: 18/CT-VKS ngày 14 – 5 – 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi truy tố bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm thấy rằng: Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của anh P. Trước, trong và sau khi phạm tội bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo biết lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi bất chính, ý thức xem thường pháp luật cũng như muốn hưởng lợi trên sức lao động của người khác nên bị cáo vẫn bất chấp thực hiện. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây tâm lý hoang mang, bất ổn trong cuộc sống và sinh hoạt của người dân, làm mất trật tự trị an tại địa phương.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Tài sản là chiếc điện thoại bị chiếm đoạt có giá trị không lớn, đã thu hồi trả lại và không gây thiệt hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; bản thân bị cáo không biết chữ nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế và anh P yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý đề nghị xem xét, áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là lao động duy nhất, thấy rằng: Bản thân bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, đi làm thuê; từ trước đến ngày phạm tội thì bị cáo sống lang thang, không có chỗ ở ổn định nên không được chấp nhận.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bản thân bị cáo đã bị xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp tài sản" chưa được xóa án tích, lẽ ra sau khi chấp hành xong hình phạt bị cáo phải cải sửa lỗi lầm của mình, lao động chân chính để nuôi sống bản thân và phụ giúp gia đình bị cáo nhưng bị cáo không làm được điều đó mà lại tiếp tục lấy trộm tài sản của người khác.

Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và phải cách ly khỏi đời sống xã hội có thời hạn mới đảm bảo tính răn đe, trừng trị và cũng là để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người tốt, có ích; đồng thời cũng là để cảnh tỉnh, cảnh báo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về tránh nhiệm dân sự: Chiếc điện thoại anh P đã nhận lại và không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Hồ Văn Đ (Nguyễn Văn Đ) phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự. **X**ử phạt: Bị cáo Hồ Văn Đ 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 01 năm tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2018/HS-ST ngày 30/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh

Cà Mau. Buộc bị cáo Đ phải chấp hành hình phạt của hai bản án là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù được tính từ ngày 13 tháng 12 năm 2017.

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người bị hại có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Công an huyện Đầm Dơi;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn